

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/DS-PT

Ngày: 15-12-2020

V/v: Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Vũ Ngọc B1, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ 1, khu 8, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

2. Ông Vũ Ngọc B2, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 4, khu 8, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. NLQ2, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 4, khu 8, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

3. NLQ3, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc B1, NLQ1, NLQ2: ông Vũ Ngọc B2, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 4, khu 8, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. (Văn bản ủy quyền ngày 06-5-2020).

- Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 06-5-2020).

- Người đại diện theo ủy quyền của Ông Vũ Văn T. Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 13-8-2020).

- *Người làm chứng :*

1. NLC1, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. NLC2, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

3. NLC3, sinh năm 1943; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

4. NLC4; địa chỉ: Xóm 4, xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Ngọc B2 là nguyên đơn; Anh Vũ Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt ông B2, ông B1, anh T1; Vắng mặt ông T, NLQ1, NLQ2, NLQ3 có lý do; Vắng mặt NLC1, NLC2, NLC3, NLC4 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25-4-2020 của Ông Vũ Ngọc B1, ông Vũ Ngọc B2; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2. Ông Vũ Ngọc B2 trình bày:

Bố đẻ của ông là Vũ Văn Bột, sinh năm 1925, chết năm 1986; mẹ đẻ là Phạm Thị Hiền, sinh năm 1923, chết năm 2009. Bố mẹ ông có 04 người con đẻ, không có con nuôi, gồm Ông Vũ Ngọc B1, NLQ1, ông Vũ Ngọc B2 và NLQ2. Bố mẹ ông có thửa đất 630 m² thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 05 tại Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, trong đó có 289 m² đất ở, 146 m² đất vườn, 195 m² đất ao. Đất đã được UBND huyện Xuân Trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Vũ Thị Bột ngày 31-8-1998; Còn theo trích lục bản đồ địa chính năm 2012 đất của bố mẹ ông thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12 diện tích là 663 m², trong đó 286 m² đất ở, 170.4 m² đất vườn, 206.6 m² đất ao. Nguồn gốc đất của bố mẹ ông là do tổ tiên, cha ông để lại, anh chị em ông sống trên đất này, khi trưởng

thành anh em ông thoát ly đi ở chỗ khác, chỉ có NLQ1 không lập gia đình ở cùng với bố mẹ ông, sau khi bố mẹ ông mất NLQ1 là người trực tiếp quản lý trông coi đất của bố mẹ ông để lại, anh chị em ông thỉnh thoảng mới về nhà. Các anh chị em ông chưa có biên bản thỏa thuận chia cho ai mà đất này là của chung 04 anh chị em ông, nhà đất của bố mẹ ông để lại vẫn giữ nguyên như cũ không có biến động chuyển nhượng, tặng cho ai. Trên đất của bố mẹ ông có một nhà cấp 4 lợp ngói, một sân bê tông, bể nước, công trình phụ và ao vườn. Nhà, đất của hộ ông T ở giáp phía Tây đất của bố mẹ ông và giáp phía bắc phần đất ngõ của gia đình ông. Trước đây hộ ông T ở vị trí đất chỗ khác, còn hộ ông Trần Thanh Cù (ông Cù đã chết) ở giáp đất của bố mẹ ông. Năm 1991 ông Cù hoán đổi đất cho ông T, ông T sử dụng là 216 m² (giáp đất nhà ông), theo giấy hoán đổi của ông Cù cho ông T ghi 220 m² phải trừ đi 9 m² góc khuyết là đất của gia đình ông nên thực tế hộ ông T chỉ được sử dụng là 211 m², phần đất còn lại ông Cù bán cho vợ chồng anh Vinh. Đất của hộ ông Cù trước đây và đất của bố mẹ ông phân định ranh giới giữa hai nhà là hàng tre lớn, là đường thẳng. Bờ ao và hàng tre này là đất của bố mẹ ông, đất của nhà ông Cù trước đây không có bờ. Sau khi anh Vinh và ông T nhận chuyển nhượng đất của ông Cù thì gia đình anh Vinh và gia đình ông T đánh dần bờ tre, riêng đất của anh Vinh hiện chỉ còn bờ ao, còn đất nhà ông T không còn bờ ao nữa. Đường giáp ranh giữa đất nhà ông với đất của nhà ông T và nhà anh Vinh phải là một đường thẳng, hiện nay nhà anh Vinh đã xây nhà và làm hết đất của nhà anh Vinh nhưng nhà ông T xây nhà 3 tầng xây lấn so với nhà của nhà anh Vinh không phải là đường thẳng nữa mà xây lồi sang đất nhà ông nhằm chiếm đoạt đất của gia đình nhà ông.

Năm 1992 ông T làm nhà cấp 4 ở tạm, lấn sang đất của gia đình ông khoảng 50 cm chạy dọc về phía tây 15 m, lúc đó mẹ ông cụ Bội và NLQ1 đã trực tiếp sang nói với vợ chồng ông T, ông T không nghe còn đánh NLQ1, gia đình ông đã đưa ra xóm đội nhờ can thiệp giải quyết, xóm đội thời điểm đó chỉ động viên khuyên giải, nghĩ vì tình làng nghĩa xóm nên mẹ ông và NLQ1 đã bỏ qua. Tháng 3 năm 2020 vợ chồng ông T phá nhà cấp 4 để làm nhà kiên cố, khi làm móng đổ giằng sắt hộ ông T lại lấn sang đất phía tây nhà ông ngang khoảng 75cm chạy dọc về phía tây khoảng 7 đến 8 m; ở phần đất ngõ gia đình nhà ông, ông T cũng lấn chiếm đất gia đình nhà ông, ông T ốp một hàng gạch bao quanh khoảng 30 cm chạy dọc ngõ của gia đình ông khoảng 10 m. Khi làm nhà hộ ông T đào móng nhà đã đổ hết đất xuống ao của gia đình ông, hộ ông T xả thải ra ao, để giọt chảy mái nhà ra ngõ gia đình ông mà không được sự đồng ý của gia đình ông. Khi hộ ông T làm móng nhà lấn sang đất gia đình ông, anh em ông đã trực tiếp sang nói chuyện với vợ chồng ông T yêu cầu phải làm đúng vị trí mốc giới đất, không được làm sang đất gia đình ông, phải trả lại đất cho gia đình ông, ông T không nghe còn thách đố anh chị em ông, buộc lòng anh em ông phải làm đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh can thiệp giải quyết, Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh cùng ban công

tác mặt trận của xóm 2 đã xuống thực địa đất tranh chấp và đã lập biên bản yêu cầu hộ ông T tạm dừng việc xây dựng, nếu hộ ông T cố tình xây dựng sang đất của gia đình ông thì hộ ông T phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, tuy nhiên ông T vẫn cố tình làm nhà và nói nếu ông T lấn sang đất của gia đình ông thì ông T sẵn sàng cắt trả lại, ông T sai thì ông T chịu trách nhiệm hoàn toàn và ông sẽ tháo dỡ phần diện tích xây sang. Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên anh em ông mới khởi kiện chứ gia đình ông không muốn tranh chấp kiện tụng gì. Theo ông xác định, năm 2017 hoặc năm 2018, xã Xuân Vinh có triển khai làm đường, mở rộng đường dọc xóm đã lấy vào mỗi bên 1.5 m nên đất hộ ông T theo quy định chung cũng bị lấy vào 1.5 m chạy dọc theo đường vì vậy diện tích đất của hộ ông T sẽ bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất của gia đình ông lại tiếp giáp với đất hộ ông T; ông T đã lợi dụng gia đình ông chỉ có một mình NLQ1 ở nhà nên ông T lại tính theo mép đường mới bây giờ mà không tính theo mép đường cũ và đã lấn sang đất gia đình ông để cho đủ diện tích đất nhà ông T.

Nay ý kiến của ông cũng là ý kiến chung của các anh chị em ông là: Đối với phần đất gia đình ông T đã lấn chiếm của gia đình ông vào năm 1992 ở phần đất ngõ (kết quả đo đạc thực tế 3.8 m²) và phần phía trong giáp với nhà vệ sinh của gia đình nhà ông (kết quả đo đạc thực tế 3.6 m²) ông kê khai để biết chứ không yêu cầu, ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng như hiện nay.

Về việc ông T xả thải ra ao, để giọt chảy mái nhà ra ngõ gia đình ông mà không được sự cho phép của gia đình ông, tuy nhiên thời gian gần đây việc xả thải cũng như về giọt chảy hộ ông T đã khắc phục nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về vấn đề này nữa.

Đề nghị Tòa án xác định ranh giới đất giữa hộ gia đình nhà ông và hộ gia đình ông T; yêu cầu gia đình ông T tự tháo dỡ các công trình xây dựng và trả lại đất lấn chiếm của gia đình ông theo kết quả đo đạc thực địa ngày 05-6-2020 diện tích này là 7.4 m². Yêu cầu hộ ông T nạo vét toàn bộ đất khi đào móng nhà đã đổ xuống ao của gia đình ông (theo kết quả xem xét thẩm định là 14 m³).

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-5-2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Vũ Văn T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ3 trình bày:

Đất mà vợ chồng ông đang ở hiện nay là do vợ chồng ông đổi đất cho chú ông là ông Trần Văn Cù vào năm 1987 (ông Cù đã chết). Diện tích đất của hộ ông Cù đổi cho ông là 06 miếng = 216 m². Khi ông nhận đổi đất của ông Cù năm 1987 lúc đó trên đất chưa có nhà chỉ có ao khoảng 5 miếng, còn lại 1 miếng là đất được mạ.

Tháng 7 năm 1987 vợ chồng ông lấp đất ao, lấp đất được mạ để làm nhà 3 gian cấp 4 ở tạm, ao thu hẹp lại chỉ còn khoảng 1 miếng, lúc đó bà Bọt ra rào ngõ

không cho gia đình ông đi nhờ ngõ, còn NLQ1 vác búa ra đập tường, ông không cho đập và đẩy NLQ1 ra chứ ông không đánh NLQ1, ông không lấn chiếm 50 cm đất chạy dọc về phía Tây 15 m như ông B2 trình bày. Nhà, đất của nhà ông ở giáp phía Đông đất hộ cụ Bọt và giáp phía Bắc phần đất ngõ của hộ cụ Bọt (phía Tây đất của nhà ông giáp mặt đường, trục đường liên xã).

Vợ chồng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 658429 vào ngày 14-11-2007 với diện tích là 216 m² thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất tại xóm 2, xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Tháng 2 năm 2020 âm lịch vợ chồng ông lấp ao, phá chuồng lợn, nhà bếp để xây nhà 2 tầng kiên cố, đã xây xong tầng 2, hiện vợ chồng ông đang xây mái tôn chống nóng ở trên mái của tầng 2, ông xây theo ranh giới đất của nhà ông, theo diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông là 216 m² (nhà 3 gian cấp 4 xây năm 1987 vẫn để nguyên). Nhà đất của gia đình ông sử dụng ổn định từ khi đổi đất của ông Cù năm 1987 đến nay vẫn giữ nguyên như cũ không có biến động gì, xã Xuân Vinh không triển khai làm đường, mở rộng đường nên không lấy vào phần đất của các hộ ven đường.

Khi vợ chồng ông làm nhà, ông có mời cán bộ địa chính xã Xuân Vinh và đội trưởng đến đo đạc đất của nhà ông, có sự chứng kiến của hộ giáp ranh là hộ NLC1, nhưng không có sự chứng kiến hộ cụ Bọt (nay là anh em ông B2). Sau đó có ai gọi điện cho ông B1 về nhưng khi ông B1 về hai bên gia đình cũng không có tranh chấp gì.

Gia đình ông không lấn sang đất của hộ cụ Bọt khoảng 75cm chạy dọc về phía Tây khoảng 7 đến 8 m; ở phần đất ngõ gia đình ông không lấn chiếm (không ốp hàng gạch bao quanh khoảng 30 cm chạy dọc ngõ của hộ cụ Bọt khoảng 10 m) như lời ông B2 trình bày.

Khi ông đào móng nhà, vợ chồng ông có hỏi NLQ1, bà có lấy đất thì vợ chồng ông cho còn nếu không lấy đất thì vợ chồng ông thuê xe đổ đất đi, NLQ1 nói cho đất thì lấp xuống ao cho bà (có sự chứng kiến của 03 thợ xây là ông Vũ Văn Quyền, ông Vũ Văn Hợp, NLC4 cùng ở xã Xuân Vinh). Do hai cây chuối của NLQ1 trồng có vướng vào bếp cũ của nhà ông, ông có nói với NLQ1 nếu bà đồng ý chặt cây chuối thì ông trả bà 100.000 đồng, NLQ1 nhất trí nên thợ xây là NLC3 và NLC4 đã chặt cây chuối cho ông để ông chát tường bếp, hôm đó NLQ1 còn chặt cành xoài của nhà NLQ1 trồng ở vườn cụ Bọt rũ xuống ao để máy mức đổ đất của nhà ông sang ao cho nhà NLQ1.

Nay quan điểm của ông: Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh có lập biên bản yêu cầu gia đình ông tạm thời dừng việc xây dựng nhưng gia đình ông vẫn tiến hành xây dựng. Giả sử nếu sau này Tòa án xác định có việc gia đình ông lấn chiếm đất

của anh em ông B2 thì gia đình ông chịu hoàn toàn trách nhiệm, ông tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng để trả lại đất cho anh em ông B2.

Riêng về vết toàn bộ đất khi đào móng nhà đã đổ xuống ao của anh em ông B2, ông không nhất trí vì khi ông đổ đất sang ao của gia đình ông B2 đã có sự đồng ý cho phép của NLQ1.

Hộ nhà ông không xả thải ra ao của anh em ông B2; Còn giọt chảy thì gia đình ông bắt ống chảy ra đường chứ không chảy ra ngõ của anh em ông B2 nữa nên ông không có trách nhiệm gì.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày: Năm 1992 ông T làm nhà cấp 4 ở tạm đã lấn sang đất của hộ nhà bà lúc đó ông B2, ông B1, NLQ2 ở xa, chỉ có mẹ bà (bà Bội) và bà ở nhà, mẹ bà và bà đã trực tiếp sang nói với vợ chồng ông T, ông T không nghe còn chửi bà Bội và đánh bà, xóm đội có đến giải quyết theo hướng tình cảm nên mẹ con bà đã bỏ qua.

Khi ông T làm móng nhà, lúc đó ông T đã thuê máy xúc đến sẵn ở nhà ông T, ông T đứng bên đất nhà ông T và nói với sang khi bà đang ở bờ ao nhà bà là “cô có lấy đất không” bà trả lời để bà đi gọi điện hỏi ý kiến các anh em bà xem có đồng ý hay không đã. Do các anh em của bà đều ở xa chỉ có mình bà ở nhà nên bà phải đi vào nhà cháu Tấn ở cùng xóm để gọi điện nhờ xem các anh em bà có đồng ý không, nhưng hôm đó không gọi điện được cho các anh em bà, khi bà về nhà thì đã thấy ông T cho máy xúc đổ hết đất mà nhà ông T đào móng nhà đổ sang ao nhà bà rồi và làm gãy cả cành xoài nhà bà, lúc đó bà có nói với ông T “Tôi chưa hỏi được ý kiến của các anh em tôi mà sao ông lại tự động đổ đất sang ao nhà tôi” ông T không nói gì. Chiều hôm đó bà lại đi gọi điện nhờ để thông báo cho các anh em bà biết tình hình. Ngay ngày hôm sau các anh em bà là ông B1, ông B2, NLQ2 ở Quảng Ninh đã trực tiếp về, các anh chị em bà không đồng ý cho ông T đổ đất sang ao nhà bà, chị em bà đã trực tiếp sang yêu cầu ông T vét toàn bộ đất ao khi đào móng nhà đã đổ xuống ao của gia đình bà nhưng ông T không đồng ý và vẫn cố tình xây dựng, ông B1 đại diện cho các anh chị em đã làm đơn đề nghị ra Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh can thiệp giải quyết nhưng cũng không thành.

Việc chặt cây chuối là lúc đó bà và gia đình ông T còn bình thường, chưa xảy ra mâu thuẫn, là thời điểm diễn ra trước khi ông T đổ đất sang ao nhà bà. Khi ông T chuẩn bị làm móng nhà, ông T có nói sau này ông làm nhà cây chuối do bà trồng bị vướng, bà có nói nếu vướng thì phát các lá chuối đi chứ không được chặt cây chuối nhưng sau đó ông T tự ý chặt cây chuối, bà nói ông T “tôi không cho chặt chuối mà chỉ được phát lá chuối sao ông lại chặt chuối của tôi” thì ông T sang đưa cho bà 100.000 đồng coi như đền bù thiệt hại cho bà. Ông T trình bày thợ xây là NLC3 và NLC4 đã chặt cây chuối của bà và bà chặt cành xoài là hoàn toàn

không đúng mà cây chuối là vợ chồng ông T chặt còn cành xoài là do máy xúc mức đất sang ao nhà bà đã làm gãy cành xoài của nhà bà.

* Những người làm chứng:

- NLC1 trình bày: Ông có quan hệ họ hàng xa với cả anh em ông B2, ông B1 và vợ chồng ông T. Ông là hộ liền kề giáp với đất hộ ông T và đất của cụ Bọt nay là đất của anh em ông B2, ông B1, NLQ1, NLQ2.

Trước đây bác họ của ông là Trần Viết Cù có 1.3 sào đất ao và đất được mạ (đất của bác Cù giáp với đất nhà cụ Bọt) tại xóm 2, xã Xuân Vinh. Khoảng trước năm 1990 bác Cù có chuyển nhượng cho vợ chồng ông T 4 miếng đất được mạ, vợ chồng ông T đã xây nhà ở tạm. Sau đó ông Cù lại đổi đất ở trong nhà bà Đán (là mẹ ông T) nhà bà Đán giáp đất với nhà ông Cù ở vị trí đất khác nhưng cùng ở xóm 2, xã Xuân Vinh để cả hai bên cùng thuận tiện trong việc sử dụng đất, theo thỏa thuận đổi đất giữa các bên thì ông T được nhận thêm 1.56 miếng đất ao của ông Cù, tổng diện tích đất nhà ông T sử dụng là 4 miếng + 1.56 miếng = 5.56 miếng.

Năm 1992 ông Cù chuyển nhượng phần đất ao còn lại 7.44 miếng cho vợ chồng ông sử dụng. Năm 1994 vợ chồng ông làm móng nhà trên nhưng chưa xây dựng ngay mà vợ chồng ông ở tạm nhà dưới. Năm 2001 ông làm nhà trên. Năm 2004 vợ chồng ông làm thêm nhà và công trình phụ ở phía đông thửa đất, giáp đất nhà cụ Bọt, lúc đó nhà cụ Bọt vẫn còn bụi tre lớn. Ông làm hết đất phía đông của nhà ông, phía sau nhà ông và giáp ranh với nhà ông T trước đây có bụi tre lớn, nhà ông và nhà ông T liền kề, giáp với đất cụ Bọt có hàng tre là đường thẳng, nếu đào xuống sâu thì vẫn còn gốc và rễ, gần đây nhà ông T xây nhà 3 tầng đã đè lên bờ ao và gốc tre của đất cụ Bọt.

Ông khẳng định nhà ông T xây có lấn sang đất của nhà cụ Bọt vì khi nhà ông T chuẩn bị dỡ công trình phụ sát đất nhà cụ Bọt, ông T có mời một số người đến chứng kiến về ranh giới đất giữa nhà ông T và hộ cụ Bọt như anh Diện là bí thư, bà Luyến là xóm trưởng và một số người cao tuổi, bố anh Diện cũng đến chứng kiến, lúc đó ông cũng có mặt với tư cách là hộ giáp ranh đất của nhà ông T và đất nhà cụ Bọt. Tuy nhiên khi nhà ông T làm nhà thì nhà ông T lại không làm theo ranh giới đất mà có sự chứng kiến của đại diện xóm đội và người cao tuổi trong làng mà nhà ông T cố tình làm sang đất hộ cụ Bọt khoảng 90 cm đến 1 m.

Đất của nhà ông và nhà ông T nhận chuyển nhượng của ông Cù trước đây không có bờ, còn đất hộ cụ Bọt có bờ và có lũy tre dài là đường thẳng. Nhà ông đã làm hết đất nhà ông nhưng nhà ông T hiện nay làm nhà so với nhà ông không phải là đường thẳng nữa mà lại lùi sang đất của nhà cụ Bọt.

Phía Tây đất của nhà ông và nhà ông T giáp với đường liên xã, trước đây đường trước nhà ông và nhà ông T chỉ rộng hơn 3 m nhưng đến nay đường trước

nhà ông và nhà ông T rộng 6 m, theo ông khi xã làm đường là có mở rộng vào đất của các hộ dân ven đường trong đó có đất của nhà ông và nhà ông T nên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T có thể bị thiếu đi vì vậy nhà ông T cứ làm cho đủ diện tích đất như trong sổ đỏ nhà ông T nên nhà ông T có tình lấn sang đất của nhà bên cạnh vì nhà bên cạnh chỉ có một mình NLQ1 ở nhà còn ông B2, ông B1, NLQ2 đều ở Quảng Ninh nên ông T bắt nạt NLQ1.

Nhà ông T từ trước đến nay đều để giọt chảy vào ngõ nhà NLQ1 và xả thải xuống ao nhà NLQ1 nhưng khi ông T làm nhà đã đổ đất lấp sang ao nhà NLQ1 và nhà ông T làm công trình phụ mới nên lấp hết việc xả thải.

Quan điểm của ông: nhà ông T bắt nạt NLQ1 ở một mình già cả, gia đình ông T xây nhà 3 tầng có lấn sang đất nhà NLQ1 khoảng 90 đến 1 m giáp với đất nhà ông ở phía đông. Việc xả thải đến nay không còn, nhà ông T vẫn còn để giọt chảy sang nhà NLQ1. Trong quá trình nhà ông T xây dựng ông thấy ông T đổ đất sang ao nhà NLQ1 còn việc đổ đất có được sự đồng ý của anh em NLQ1 hay không thì ông không biết. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình NLQ1.

- NLC2 và NLC3 đều trình bày: Các ông là thợ xây, đầu năm 2020 ông T có đến nhà các ông nhờ ông sửa nhà cũ là nhà cấp 4 cho vợ chồng ông T tại xóm 2, xã Xuân Vinh. Các ông không phải là người trực tiếp chứng kiến việc nói chuyện hay thỏa thuận cũng như chứng kiến việc đổ đất của nhà ông T xuống ao nhà NLQ1 mà là trong quá trình sửa nhà cũ cho ông T các ông có nghe ông T kể lại với các ông, NLQ1 xin đất và ông T đã đổ đất sang ao cho NLQ1 còn cụ thể như thế nào thì ông không biết. Trong quá trình sửa nhà cho nhà ông T, các ông không thấy tranh chấp, mâu thuẫn gì giữa vợ chồng ông T và gia đình NLQ1. NLC3 còn trình bày ông không phải là người trực tiếp chặt cây chuối như ông T trình bày, còn ai là người trực tiếp chặt cây chuối của nhà NLQ1 thì ông không biết.

* Kết quả khảo sát đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 05-6-2020:

Trên đất phía nam hộ ông T có một nhà 3 tầng đang thi công xây dựng (khoảng 65%), chiều dài 13.2 m, chiều rộng 7 m. Trị giá ngôi nhà 940.000.000đ;

Hộ ông T đổ đất công trình sang đất ao của anh em ông B2 14 m³. Đơn giá 130.000đ/m³;

Trên nhà cấp 4 của hộ ông T có hai mi cửa (một mi cửa 1.1m x 0.3, một mi cửa 1.4 m x 0.3) đưa ra ngõ vào nhà anh em ông B2;

Có giọt chảy 15 cm ở trên mái nhà cấp 4 hộ ông T đổ ra ngõ vào nhà anh em ông B2;

Hiện tại không có việc xả thải của hộ ông T ra đất ao anh em ông B2.

Giá đất hộ ông T: 7.000.000đ/m²

Giá đất anh em ông B2: Tại vị trí ngõ đi vào của anh em ông B2: 7.000.000đ/m². Giá đất phần phía ngoài giáp với hộ ông Đông, ông T, NLC1 là 5.000.000đ/m². Giá đất phần phía trong còn lại 2.500.000đ/m². Đất vườn, ao theo giá nhà nước 75.000đ/m².

- Đất cụ Bột thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12 diện tích đo đạc thực tế 666.5 m².

- Đất hộ ông T thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạc thực tế 210 m².

- Diện tích ranh giới đất tranh chấp đo đạc thực tế: phần đất ngõ hộ cụ Bột là 3.8 m²; phần đất giáp công trình vệ sinh của hộ cụ Bột 3.6 m²; phần đất hộ ông T xây công trình (nhà 3 tầng) lùi sang phía ao đất cụ Bột 7.4 m².

* Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh:

- Về đất của hộ cụ Bột (nay là anh em ông B2):

+ Nguồn gốc đất của anh em ông B2 là do tổ tiên, cha ông để lại;

+ Theo hồ sơ địa chính năm 1992: Đất của hộ cụ Bột thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 05 với diện tích 630 m²

Hộ cụ Vũ Thị Bột được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31-8-1998 với diện tích 630 m² thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 05 tại Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, trong đó có 289 m² đất ở, 146 m² đất vườn, 195 m² đất ao.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2012: Đất cụ Bột thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12 diện tích là 663 m², trong đó 286 m² đất ở, 170.4 m² đất vườn, 206.6 m² đất ao.

- Về đất của hộ ông T:

+ Nguồn gốc đất của hộ Toan là trước đây ông T nhận chuyển nhượng từ ông Cù (hiện ông Cù đã chết) - đất trước đây của ông Cù chỉ có đất ao, đất được mạ. Ông Cù chuyển nhượng cho ông T 4 miếng, sau đó ông Cù hoán đổi cho ông T thêm 2 miếng. Đất của ông Cù trước đây chuyển nhượng cho ông T và NLC1 không có bờ. Đất nhà NLC1 và nhà ông T phía Tây là giáp đường liên xã, phía đông đất của NLC1 và nhà ông T giáp với đất hộ cụ Bột, phần đất ranh giới tranh chấp hiện nay, trước đây đất hộ cụ Bột có bờ, có hàng tre và là đường thẳng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 1992: Đất hộ ông T thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 05 với diện tích đất là 216 m².

Hộ ông T, NLQ3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 658429 vào ngày 14-11-2007 với diện tích là 216 m² thuộc thửa đất số 170, tờ

bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất tại xóm 2, xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2012: Đất hộ ông T thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 12 với diện tích đất là 220.2 m².

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Bội cũng như hộ ông T là cấp đại trà - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Bội và giấy chứng nhận của ông T, NLQ3 không thể hiện kích thước hình thể.

- Quá trình sử dụng đất các bên có xảy ra tranh chấp giữa anh em ông B2 với hộ ông T:

+ Trước đây nhà ông T có để giọt danh chảy vào ngõ gia đình NLQ1 và xả thải xuống ao nhà NLQ1 (do NLQ1 chỉ ở một mình các anh chị em lại ở xa) nhưng việc xả thải hiện nay không còn là do nhà ông T làm nhà đã đổ đất lấp sang ao nhà NLQ1 và nhà ông T làm công trình phụ mới nên lấp hết việc xả thải đúng như kết quả xem xét thẩm định;

+ Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng không thành. Khi làm việc tại Ủy ban nhân dân xã ông T có nói ông T không dừng việc xây dựng, ông vẫn tiến hành việc xây dựng theo diện tích đất của nhà ông T, còn nếu sau này xác định gia đình ông T lấn chiếm đất của anh em ông B2 thì gia đình ông T tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng để trả lại đất cho anh em ông B2.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 175, 176, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 95; khoản 5, 7 Điều 166; Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; các Điều 26, 35, 147, 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Vũ Ngọc B1, ông Vũ Ngọc B2, cụ thể:

- Xác định Ông Vũ Văn T, NLQ3 đã xây lấn sang đất của anh em ông Vũ Ngọc B2 diện tích là 7.4 m². Buộc Ông Vũ Văn T, NLQ3 phải thanh toán cho Ông Vũ Ngọc B1, ông Vũ Ngọc B2, NLQ1, NLQ2 giá trị phần diện tích đất mà hộ Ông Vũ Văn T đã xây lấn sang đất của anh em ông Vũ Ngọc B2 là 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất mà anh em ông Vũ Ngọc B2 và hộ Ông Vũ Văn T đang sử dụng hiện nay. Ranh giới quyền sử dụng

đất giữa thửa 157, tờ bản đồ số 12 của anh em ông Vũ Ngọc B2 và thửa số 158, tờ bản đồ số 12 của hộ Ông Vũ Văn T tại Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định được xác định theo sơ đồ đo đạc hiện trạng lập ngày 05/6/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, cụ thể anh em ông Vũ Ngọc B2 sử dụng diện tích đất 666.5 m^2 ; hộ Ông Vũ Văn T sử dụng $210 \text{ m}^2 + 3.8 \text{ m}^2 + 3.6 \text{ m}^2 + 7.4 \text{ m}^2 = 224.8 \text{ m}^2$.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất (có sơ đồ kèm theo bản án).

Các đương sự có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo ranh giới đã được xác định trong bản án này.

- Buộc Ông Vũ Văn T, NLQ3 phải có trách nhiệm nạo vét 14m^3 đất đã đổ xuống ao nhà anh em ông Vũ Ngọc B2.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hộ Ông Vũ Văn T không được xả thải ra ao, không được để giọt chảy mái nhà ra ngõ nhà anh em ông Vũ Ngọc B2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

Ngày 18-8-2020 ông Vũ Ngọc B2 là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí tiền bồi thường đất mà Tòa án đã xử ngày 14-8-2020, yêu cầu hộ Ông Vũ Văn T phải trả lại đất và bờ ao nguyên trạng như cũ cho gia đình ông, vét hết đất đã đổ xuống ao nhà ông, yêu cầu phải trả lại phần đất đã lấn sang ngõ và hệ thống nước mưa trên mái nhà không được chảy sang nhà ông.

Ngày 26-8-2020 anh Vũ Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với Quyết định bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xác minh lại lời khai của người làm chứng NLC1 về ranh giới tranh chấp đất, yêu cầu xử lý hình sự nếu lời khai của NLC1 không đúng sự thật có dấu hiệu cấu kết với nguyên đơn nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nhà ông T và có ý định làm thiệt hại kinh tế nhà ông T. Xác minh lại lời khai của NLQ1 về việc xin đất đổ sang ao.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm kháng cáo về việc buộc bị đơn phải trả lại phần đất lấn chiếm, người đại

diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc B2, anh Vũ Văn T1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, xác định vợ chồng Ông Vũ Văn T, NLQ3 đã xây dựng nhà và các công trình không đúng mốc giới, có lấn chiếm sang đất của cụ Vũ Văn Bội và cụ Phạm Thị Hiền là 7,4m² và có trách nhiệm nạo vét 14m³ đất đã đổ sang ao nhà anh em ông B2. Ông Vũ Ngọc B1 và ông Vũ Ngọc B2 khởi kiện ông T xây dựng nhà và các công trình lấn chiếm đất là có căn cứ. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Vũ Ngọc B2, anh Vũ Văn T1 làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2 đã ủy quyền cho ông Vũ Ngọc B2, NLQ3 đã ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng tại Tòa án. Bị đơn Ông Vũ Văn T đã ủy quyền cho anh Vũ Văn T1 tham gia tố tụng tại Tòa án. Vì vậy căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Vũ Ngọc B1 và ông Vũ Ngọc B2 cho rằng Ông Vũ Văn T xây nhà và công trình đã lấn chiếm đất của gia đình các ông nên yêu cầu ông T phải phá dỡ nhà để trả lại phần đất lấn chiếm. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” với hồ liên kê như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng.

[4] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc B2 không nhất trí tiền bồi thường đất, yêu cầu hộ Ông Vũ Văn T phải trả lại đất và bờ ao nguyên trạng như cũ cho gia đình ông, vét hết đất đã đổ xuống ao nhà ông, yêu cầu phải trả lại phần đất đã lấn sang ngõ và hệ thống nước mưa trên mái nhà không được chảy sang nhà ông thấy rằng: Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông B1, ông B2, NLQ1, NLQ2 không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đối với phần đất gia đình ông T đã lấn chiếm của gia đình ông vào năm 1992 ở phần đất ngõ (kết quả đo đạc thực tế 3.8 m²) và phần phía trong giáp với nhà vệ sinh của gia đình nhà ông (kết quả đo đạc thực tế 3.6 m²), về giọt chảy hộ ông T đã khắc phục, ông B2 đề nghị giữ nguyên hiện trạng như

hiện nay. Nội dung kháng cáo của ông B2 chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết. Vì vậy kháng cáo của ông B2 về nội dung này đã vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm sẽ không xem xét, giải quyết. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Xuân Trường cấp ngày 31-8-1998 cho hộ cụ Vũ Thị Bột có diện tích là 630 m² thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 05 tại Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, trong đó có 289 m² đất ở, 146 m² đất vườn, 195 m² đất ao. Còn theo trích lục bản đồ địa chính năm 2012 đất của hộ cụ Bột thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12 diện tích là 663 m², trong đó 286 m² đất ở, 170.4 m² đất vườn, 206.6 m² đất ao. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Xuân Trường cấp ngày 14-11-2007 cho hộ Ông Vũ Văn T có diện tích là 216 m² thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất tại xóm 2, xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Còn theo trích lục bản đồ địa chính năm 2012 đất của hộ ông T thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 12 với diện tích đất là 220.2 m². Đối chiếu với kết quả xem xét, đo đạc, thẩm định hiện trạng diện tích đất của hai thửa đất đang có tranh chấp là thửa 157 của hộ cụ Bột và thửa 158 của hộ ông T tại tờ bản đồ số 12 đã thể hiện như sau: Hộ cụ Bột là 666.5 m² (tăng 3,5m² đất) còn đất hộ ông T là 224,8 m² (trong đó có diện tích đất tranh chấp phần đất ngõ hộ cụ Bột là 3.8 m²; phần đất giáp công trình vệ sinh của hộ cụ Bột 3.6 m²; phần đất hộ ông T xây công trình nhà 3 tầng là 7.4 m²) (tăng 4,6m² đất). So với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Bột là 666.5 m² - 630 m² (tăng 36.5 m²), so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T là (210 m² + 3.8 m² + 3.6 m² + 7,4 m²) - 216 m² (tăng 8,8 m²). Kết quả đo đạc thực tế diện tích đất của cả hai hộ đều tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ.

[5] Xét yêu cầu của Ông Vũ Ngọc B1 và ông Vũ Ngọc B2 đòi vợ chồng ông T, NLQ3 trả lại diện tích đất lấn chiếm là 7.4 m² đất thì thấy. Qua thu thập các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Hai thửa đất đang tranh chấp giữa anh em ông B2 và hộ ông T đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đợt cấp đại trà; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ cụ Bột và ông T, NLQ3 đều không thể hiện kích thước hình thể. Các đương sự cho rằng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ thì hộ liền kề đều không ký xác nhận mốc giới. Các bên đương sự đều thừa nhận không có biến động do giao dịch dân sự chuyển quyền hoặc giải quyết tranh chấp của cơ quan có thẩm quyền. Ngôi nhà cấp bốn của gia đình ông T xây dựng năm 1987 hiện nay vẫn còn nguyên vẹn, khi gia đình ông T xây dựng ngôi nhà cấp bốn tiếp giáp với thổ đất của cụ Bột, thì cụ Hiền vẫn còn sống, NLQ1 và cụ Hiền có biết việc xây dựng nhà này nhưng cũng không có khiếu nại gì về mốc giới, đến nay thời hạn đã 33 năm. Hiện nay cả hai thửa đất của cụ Bột và ông T đang sử dụng đều tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B2 cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh việc ông T xây nhà và công trình lấn sang đất của bố mẹ ông.

Do đó ông B1 và ông B2 khởi kiện ông T xây nhà và công trình lấn sang đất của gia đình ông là 7,4m² là không có căn cứ chấp nhận. Qua những phân tích nêu trên kháng cáo của ông B2 không nhất trí nhận tiền bồi thường đất, yêu cầu hộ Ông Vũ Văn T phải trả lại đất là không được chấp nhận.

[6] Về yêu cầu hộ ông T nạo vét toàn bộ đất khi đào móng nhà đã đổ sang ao của anh em ông B2: Ông B2 cho rằng hộ ông T khi đào móng nhà đã đổ hết đất xuống ao của gia đình ông, không được sự đồng ý của các anh em ông nên ông yêu cầu hộ ông T nạo vét toàn bộ đất ao đi (theo kết quả xem xét thẩm định là 14 m³). Ông T không nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì khi ông đổ đất sang ao của gia đình ông B2 đã có sự đồng ý của NLQ1 và có sự chứng kiến của 03 thợ xây là NLC3, NLC2 và NLC4. Xét thấy việc ông T trình bày đổ đất công trình sang ao của anh em ông B2 đã được sự đồng ý của NLQ1 nhưng NLQ1 lại hoàn toàn phủ nhận lời trình bày của ông T; trong trường hợp NLQ1 có đồng ý nhưng ông B2, ông B1 và NLQ2 không đồng ý thì ông T cũng không được quyền đổ đất sang ao của anh em ông B2. Lời trình bày của ông T cũng không phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng là NLC2 và NLC3. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, xét cần buộc hộ ông T phải có trách nhiệm nạo vét toàn bộ phần đất đã đổ xuống ao nhà anh em ông B2 là 14m³ như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

[7] Xét kháng cáo của anh Vũ Văn T1 đề nghị cấp phúc thẩm xác minh lại lời khai của NLQ1, NLC1 về việc xin đất đổ sang ao và ranh giới tranh chấp đất thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập lời khai của NLQ1, NLC1 theo đúng trình tự quy định của bộ luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót hay vi phạm gì nên nội dung kháng cáo này của anh T1 sẽ không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Đối với kháng cáo yêu cầu xử lý hình sự đối với NLC1 không thuộc phạm vi xem xét giải quyết trong vụ án này. Như đã phân tích nêu trên gia đình ông T xây nhà và công trình là đúng ranh giới không lấn chiếm đất của hộ cụ Bột nên kháng cáo của anh T1 là có cơ sở chấp nhận một phần.

[8] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, NLQ3 được pháp luật bảo vệ bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B2 không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông B2 không được chấp nhận. Do đó có căn cứ để sửa lại bản án sơ thẩm đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông T, NLQ3 cho phù hợp.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông B1 và ông B2 chỉ được chấp nhận một phần, đối với phần không được chấp nhận đáng lẽ ông B1 và

ông B2 phải nộp nhưng hiện nay hai ông là người cao tuổi đều đã trên 60 tuổi và theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông B1 và ông B2 không phải nộp án phí nên. Ông Vũ Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần phải nạo vét 14 m³ đất theo quy định của pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông B2 không được chấp nhận nên ông B2 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng hiện nay ông B2 là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông B2 được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Kháng cáo của anh T1 là có cơ sở chấp nhận một phần nên ông T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, số tiền anh T1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm thay cho ông T sẽ được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 265 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Các Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26; Điều 91 ; Điều 147 ; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 95; khoản 5, 7 Điều 166; Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Vũ Ngọc B1 và ông Vũ Ngọc B2.

2. Buộc Ông Vũ Văn T, NLQ3 phải có trách nhiệm nạo vét 14m³ đất đã đổ xuống ao nhà bố mẹ của Ông Vũ Ngọc B1, NLQ1, ông Vũ Ngọc B2, NLQ2.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Vũ Ngọc B1 và ông Vũ Ngọc B2 về việc đòi Ông Vũ Văn T trả lại 7,4m² đất đã lấn chiếm tại thửa 158, tờ bản đồ số 12, xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

4. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 157, tờ bản đồ số 12 của hộ cụ Vũ Thị Bội và thửa số 158, tờ bản đồ số 12 của hộ Ông Vũ Văn T tại Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định được xác định theo sơ đồ đo đạc hiện trạng lập ngày 05-6-2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, cụ thể anh em ông Vũ Ngọc B2 sử dụng diện tích đất 666.5 m²; hộ Ông Vũ Văn T sử dụng 210 m² + 3.8 m² + 3.6 m² + 7.4 m² = 224.8 m².

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất (có sơ đồ kèm theo bản án).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Ngọc B1, ông Vũ Ngọc B2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vũ Văn T phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Vũ Ngọc B2 được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Vũ Văn T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ông Vũ Văn T số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng mà anh Vũ Văn T1 đã nộp thay theo biên lai số AA/2016/0001806 ngày 27-8-2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

